



SÔNG ĐÀ 11

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
Tel: 0433 544 735 Fax: 0433 542 280

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ II VÀ LŨY KẾ 30/06/2017

HÀ NỘI THÁNG 7 NĂM 2017



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		433.294.905.292	477.219.509.965
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	109.190.439.333	168.376.737.626
1	Tiền	111		9.190.439.333	108.376.737.626
2	Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	60.000.000.000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.202.200.000	12.545.806.365
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	3.819.500.000	14.476.266.000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.617.300.000)	(1.930.459.635)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		229.530.187.509	209.362.018.969
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	181.483.169.652	191.887.085.815
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.329.190.410	4.710.508.285
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		9.700.000.000	500.000.000
6	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	31.505.028.518	43.814.692.389
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(3.487.201.071)	(31.550.267.520)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		88.279.667.465	85.171.166.517
1	Hàng tồn kho	141	V.7	88.279.667.465	85.171.166.517
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.092.410.985	1.763.780.488
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	570.329.165	59.480.101
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.912.764.531	1.562.337.176
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		609.317.289	141.963.211
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	-	308.135.197.985	316.400.884.972
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		13.188.920.253	19.185.963.470
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	13.188.920.253	19.185.963.470

2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		84.245.448.236	86.233.978.659
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	83.758.828.236	85.747.358.659
	- Nguyên giá	222		180.571.584.075	179.138.053.146
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(96.812.755.839)	(93.390.694.487)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	486.620.000	486.620.000
	- Nguyên giá	228		486.620.000	486.620.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		209.219.965.985	210.196.893.145
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	215.544.684.720	215.576.994.720
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.324.718.735)	(5.380.101.575)
5	Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		1.480.863.511	784.049.698
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1.480.863.511	784.049.698
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268	V.18	-	-
5	Lợi thuế thương mại	269		-	-

	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		741.430.103.277	793.620.394.937
TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		432.219.487.704	476.050.289.273
I	Nợ ngắn hạn	310		365.230.359.003	422.668.608.238
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	54.895.180.158	53.147.632.432
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	64.303.759.546	43.078.514.531
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.22	7.726.439.556	13.798.799.951
4	Phải trả người lao động	314		19.466.044.213	11.469.231.813
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.23	30.496.659.479	15.612.901.456
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.23	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24	49.260.325.296	85.402.303.898
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		136.415.216.539	193.781.280.215
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	4.708.562.688
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.666.734.216	1.669.381.254
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II	Nợ dài hạn	330		66.989.128.701	53.381.681.035
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	9.889.964.868	7.783.336.738
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27	-	-
4	Phải trả nội bộ dài hạn	334	V.28	-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		202.250.000	202.250.000
7	Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	1.000.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		53.062.744.784	5.662.744.784
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.334.169.049	38.733.349.513
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		309.210.615.573	317.570.105.664
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.31	309.210.615.573	317.570.105.664
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000

	Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	34.366.527.623	34.366.527.623
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	154.587.970.079	127.652.984.979
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.725.067.871	40.019.543.062
	- Lợi nhuận năm trước	421a	-	40.019.543.062
	- Lợi nhuận năm nay	421b	4.725.067.871	
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1	Nguồn kinh phí	431	-	
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	741.430.103.277	793.620.394.937

Lập biểu



Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng



Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Tổng giám đốc



Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Quý II & lũy kế năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II/2017	QUÝ II/2016	LŨY KẾ ĐẾN 30/06/2017	LŨY KẾ ĐẾN 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	86.136.412.029	267.658.761.171	178.743.642.601	478.284.713.114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		86.136.412.029	267.658.761.171	178.743.642.601	478.284.713.114
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	135.274.340.616	261.747.522.861	205.100.845.375	452.755.696.805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-49.137.928.587	5.911.238.310	-26.357.202.774	25.529.016.309
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.345.733.276	18.477.474.078	5.612.080.923	19.296.341.716
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	747.985.665	1.224.324.072	7.832.757.075	9.768.473.030
Trong đó: Chi phí lãi vay			3.456.098.875	1.243.480.075	6.009.860.909	2.583.852.854
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	-5.104.782.006	15.030.231.367	10.008.700.781	23.850.471.861
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		-41.435.398.970	8.134.156.949	-38.586.579.707	11.206.413.134
11. Thu nhập khác	31	VI.6	44.128.362.815	4.322.713.886	44.128.362.815	4.460.309.340
12. Chi phí khác	32	VI.7	331.361.802	86.208.736	359.937.066	400.957.063
13. Lợi nhuận khác	40		43.797.001.013	4.236.505.150	43.768.425.749	4.059.352.277
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.361.602.043	12.370.662.099	5.181.846.042	15.265.765.411
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	456.778.171		456.778.171	
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	V.21	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.904.823.872	12.370.662.099	4.725.067.871	15.265.765.411
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngưu

Lê Văn Tuấn

Lưu chuyển tiền tệ
Lũy kế đến 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế đến 30/06/2017	Lũy kế đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	213.018.966.241	372.386.934.953
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-77.838.742.009	-434.155.883.160
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-609.779.155	-25.064.785.294
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-6.009.860.909	-2.564.340.443
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-8.281.286.829	-14.408.486.252
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.122.949.211	19.276.341.716
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-152.593.690.172	-19.364.944.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-31.191.443.622	-103.895.163.043
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-4.604.653.947	-117.724.870
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	637.272.728	605.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-141.250.000.000	-500.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	132.050.000.000	3.012.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-5.375.280.000	-13.300.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.407.590.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.449.697.748	17.788.375.216
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-8.685.373.471	7.488.377.618
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	186.639.463.308	61.503.197.166
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-196.605.526.984	-97.985.167.694
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-11.499.624.750	-22.804.767.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-21.465.688.426	-59.286.738.178
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-61.342.505.519	-155.693.523.603
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	170.531.208.177	170.531.208.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.736.675	12.376
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	109.190.439.333	14.837.696.950

Lập biểu

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngụ

Trần Văn Ngụ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glej	Làng Đắc Nhoong, xã Đắc Nhoong, huyện Đắc Glej, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	100%	65,00%	65,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng cùng kỳ của năm trước so sánh được với số liệu cùng kỳ của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính Công ty có 752 cán bộ nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.373 nhân viên trong đó lao động thời vụ là 836 lao động).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

+ Đối với công trình đầu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá vốn} \\ \text{kinh doanh dở dang} & = & \text{kinh doanh dở dang} & + & \text{kinh doanh phát sinh} & - & \text{hàng bán} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá vốn hàng bán} & = & \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ} \\ \text{trong kỳ} & & \end{array}$$

+ Đối với các công trình khác

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	=	Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ	-	Thu nhập chịu thuế tính trước	-	Các khoản phụ phí (nếu có)	-	Chi phí quản lý ước tính	-	Lãi vay ước tính (nếu có)
---	---	---	---	-------------------------------------	---	----------------------------------	---	--------------------------------	---	---------------------------------

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

9. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 2,5% - 5% trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên tỷ lệ giữ lại bảo hành theo điều khoản hợp đồng xây dựng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.024.456.810	1.069.111.097
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.165.982.523	107.307.626.529
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	60.000.000.000
<i>Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
Cộng	<u>109.190.439.333</u>	<u>168.376.737.626</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà						
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	2.022.500.000			5.952.000.000		(267.701.635)
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)
Ngân hàng TMCP Quân đội				6.727.266.000	6.681.808.000	(45.458.000)
Cộng	<u>3.819.500.000</u>		<u>(1.617.300.000)</u>	<u>14.476.266.000</u>		<u>(1.930.459.635)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.930.459.635)	(6.231.091.635)
Trích lập dự phòng bổ sung		(99.368.000)
Hoàn nhập dự phòng	313.159.635	1.127.266.000
Sử dụng dự phòng		3.272.734.000
Số cuối năm	<u>(1.617.300.000)</u>	<u>(1.930.459.635)</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Đầu tư vào công ty con</i>						
Công ty	47.381.773.480			47.381.773.480		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱ⁾						
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng ⁽ⁱⁱ⁾	57.250.000.000	(4.619.856.521)		57.250.000.000	(1.915.824.859)	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	35.594.689.000	(1.704.862.214)		35.594.689.000	(3.464.276.716)	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa ^(iv)	66.942.942.240		35.690.094.000	72.350.532.240		73.002.465.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glai ^(v)	6.225.000.000	-		3.000.000.000		
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời ^(vi)	2.150.280.000					
Cộng	215.544.684.720	(6.324.718.735)	35.690.094.000	215.576.994.720	(5.380.101.575)	

- (i) Trong năm 2013, Công ty hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 50 tỷ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 9 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng 56.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 34.380.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng.
- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.
- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101207604, ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glai do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glai 42.250.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.225.000.000 VND tương đương 7,10% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glai là 38.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei mới thành lập, đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty Cổ phần điện Mặt Trời mới thành lập, đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông đã thực hiện xong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(5.380.101.575)	(8.419.819.770)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.704.031.662)	(1.915.824.859)
Hoàn nhập dự phòng	1.759.414.502	4.955.543.054
Số cuối năm	<u>(6.324.718.735)</u>	<u>(5.380.101.575)</u>

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (To Buông)		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng		
Trả tiền gốc vay	132.050.000.000	4.000.000.000
Lãi vay To Buông phải trả	1.112.168.945	
Góp vốn điều lệ bằng tiền		13.300.000.000
Doanh thu hoạt động xây dựng	9.029.966.306	7.268.219.241
Cho To Buông vay	138.000.000.000	

Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long

Giao dịch bán hàng

Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa, bảo hiểm	1.413.092.633	2.175.005.210
Doanh thu cước vận chuyển bị cắt giảm		(304.327.818)
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	99.002.280	309.072.771

Giao dịch mua hàng

Chi phí xây lắp hoàn thành	7.067.320.650	80.175.872.097
----------------------------	---------------	----------------

Giao dịch khác

Cổ tức được chia	2.250.000.000	16.886.679.000
Tiền cho vay		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn (Bát Đại Sơn)		
Chuyển công nợ phải thu thành vốn góp tại Bát Đại Sơn		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa (Đăk Đoa)		
Lãi vay phải trả	463.528.335	
Vay vốn lưu động	24.778.906.943	
Thu hồi tiền cho vay		3.012.000.000
Lãi vay phải thu		414.511.844
Trả tiền gốc vay	4.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glai		
Góp vốn điều lệ bằng tiền	3.250.000.000	
Cho vay	1.000.000.000	
Công ty Cổ phần điện Mặt Trời		
Góp vốn điều lệ	2.150.280.000	
Cho vay	-	
3. Phải thu của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	76.746.575.461	92.493.823.542
Tổng Công ty Sông Đà	67.758.683.624	87.265.346.180
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	1.523.923.630	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	7.463.968.207	5.228.477.362
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa		
Phải thu các khách hàng khác	122.538.762.775	99.393.262.273
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	3.180.656.456	9.575.822.285
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	31.976.238.587	8.247.258.373
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	3.874.981.903	7.873.278.985
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	6.992.584.069	5.544.137.066
Công ty Cổ phần Cơ khí thiết bị điện Hà Nội	14.596.707.858	14.596.707.858
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7		6.536.051.748
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkdrinh	9.725.892.345	4.943.275.697
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000
Phải thu khách hàng khác	46.545.961.737	40.750.545.261
Cộng	181.483.169.652	191.887.085.815
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan		9.388.064.477
Tổng Công ty Sông Đà		9.388.064.477

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>13.188.920.253</i>	<i>9.797.898.993</i>
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc		1.936.348.136
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	7.797.372.460	3.078.934.209
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đrink		4.782.616.648
Phải thu khách hàng khác	5.391.547.793	-
Cộng	13.188.920.253	19.185.963.470
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>5.297.965.906</i>	<i>1.283.814.716</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	5.297.965.906	1.283.814.716
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>5.031.224.504</i>	<i>3.426.693.569</i>
Công ty Cấp điện lực Kevin Việt Nam	-	
Công ty Giải pháp Năng lượng Việt	-	
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	318.982.700	1.410.508.447
Các nhà cung cấp khác	4.712.241.804	2.016.185.122
Cộng	10.329.190.410	4.710.508.285
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>9.700.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Công ty TNHH MTV SĐĐ 11 T.Long	2.250.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	6.450.000.000	500.000.000
Công ty cổ phần thủy điện Đắc Glei	1.000.000.000	
Cộng	9.700.000.000	500.000.000
6. Phải thu khác		
6a. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.434.807.926</i>	<i>7.763.867.188</i>
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long		7.092.116.295
Tổng công ty Sông Đà		671.750.893
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>29.765.979.592</i>	<i>36.050.825.201</i>
Tạm ứng	15.489.820.581	19.161.822.353
Phải thu của CBCNV	1.086.978.933	791.188.056
Phải thu các đội công trình	533.788.767	237.602.788
Tiền cổ tức phải thu		695.750.000
Phải thu tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	8.812.640.485	12.586.018.544
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	208.783.516	267.337.754

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ	2.195.291.714		1.791.291.714	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	742.916.596		519.813.992	
Cộng	31.505.028.518		43.814.692.389	(695.750.000)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
Tổng Công ty Sông Đà		6.286.794.182	3.187.277.905		8.171.593.096	2.228.262.186
	<i>Dưới 1 năm</i>					
	<i>Từ 2 đến 3 năm</i>			<i>Từ 2 đến 3 năm</i>	7.427.540.619	2.228.262.186
	<i>Trên 3 năm</i>	6.286.794.182	3.187.277.905	<i>Trên 3 năm</i>	744.052.477	
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		9.827.930.703	7.946.864.599		29.198.723.831	3.591.787.221
Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội	Trên 3 năm			Trên 3 năm	12.156.428.764	
Công ty Cổ phần năng lượng Sơn Vũ	Trên 3 năm			Trên 3 năm	3.645.678.449	
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Từ 1 đến 2 năm			Từ 1 đến 2 năm	1.965.249.110	982.624.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Từ 2 đến 3 năm	9.725.892.345	7.906.049.255	Từ 2 đến 3 năm	3.976.188.479	1.192.856.543
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		102.038.358	40.815.344		7.455.179.029	1.416.306.123
Cộng		16.114.724.885	11.134.142.504		37.370.316.927	5.820.049.407

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(31.550.267.520)	(24.490.623.982)
Trích lập dự phòng bổ sung		(14.404.192.342)
Hoàn nhập dự phòng	5.624.647.947	7.344.548.804
Giảm khác	22.438.418.502	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số cuối năm	<u>(3.487.201.071)</u>	<u>(31.550.267.520)</u>

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.773.399.271		15.658.626.941	
Công cụ, dụng cụ	945.148.517		1.279.912.033	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.561.119.677		68.232.627.543	
Cộng	<u>88.279.667.465</u>		<u>85.171.166.517</u>	

9. Chi phí trả trước ngắn/dài hạn

Là các khoản chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	81.815.761.861	76.283.258.516	20.217.588.660	821.444.109	179.138.053.146
Mua trong năm		2.564.538.393	-	142.727.273	2.707.265.666
Thanh lý, nhượng bán		-		(1.273.734.737)	(1.273.734.737)
Số cuối năm	<u>81.815.761.861</u>	<u>78.847.796.909</u>	<u>20.217.588.660</u>	<u>(309.563.355)</u>	<u>180.571.584.075</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	584.414.189	16.690.684.280	13.164.705.164	548.420.909	31.061.030.916
Chờ thanh lý		438.950.000	360.278.571	190.709.091	989.937.662
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.869.667.015	43.371.709.735	18.597.099.963	552.217.774	93.390.694.487
Khấu hao trong năm	1.818.023.287	2.439.579.909	379.724.158	58.468.735	4.695.796.089
Thanh lý, nhượng bán	-	-		(1.273.734.737)	(1.273.734.737)
Số cuối năm	<u>32.687.690.302</u>	<u>45.811.289.644</u>	<u>18.976.824.121</u>	<u>(663.048.228)</u>	<u>96.812.755.839</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>50.946.094.846</u>	<u>32.911.548.781</u>	<u>1.620.488.697</u>	<u>269.226.335</u>	<u>85.747.358.659</u>
Số cuối năm	<u>49.128.071.559</u>	<u>33.036.507.265</u>	<u>1.240.764.539</u>	<u>353.484.873</u>	<u>83.758.828.236</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định đang được thế chấp cho các khoản vay trung và dài hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hà.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không thời hạn.

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>21.976.732.350</i>	<i>8.703.936.097</i>
Tổng Công ty Sông Đà	-	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	16.809.655.799	1.877.027.469
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông		
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	5.167.076.551	6.826.908.628
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>33.035.500.559</i>	<i>44.443.696.335</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	1.444.875.247	1.444.875.265
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	1.256.341.239	4.558.568.554
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	1.030.538.591	3.790.357.494
Công ty TNHH Cấp Điện lực Kevin - Việt Nam	1.444.875.247	1.444.875.247
Công ty Cổ phần Thành Long	5.223.112.593	5.223.112.593
Các nhà cung cấp khác	23.549.243.482	27.981.907.182
Cộng	54.895.180.158	53.147.632.432

12b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.955.853.524</i>	<i>1.303.902.350</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	1.955.853.524	1.303.902.350
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>7.934.111.344</i>	<i>6.479.434.388</i>
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	607.934.880	1.607.934.880
Công ty Cổ phần Ống sợi thủy tinh Nghi Sơn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	532.861.971	1.307.628.514
Công ty TNHH Minh Bảo Quảng Ninh	198.819.928	698.819.928
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	-	460.066.175
Các nhà cung cấp khác	6.594.494.565	2.404.984.891
Cộng	9.889.964.868	7.783.336.738

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>3.523.460.373</i>	<i>5.384.718.210</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	3.523.460.373	5.384.718.210

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>60.780.289.173</i>	<i>37.693.796.321</i>
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	27.318.267.080	14.320.067.554
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	8.560.628.412	13.960.187.719
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	2.785.520.884	1.592.760.354
BQL ĐTPT các cụm, điểm Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp	1.273.184.000	1.273.184.000
Ban QLDA nhiệt điện 1	17.863.932.760	-
Công ty TNHH Xây dựng Hòa An	-	5.000.000.000
Các khách hàng khác	2.978.766.037	1.547.596.694
Cộng	<u>64.303.759.546</u>	<u>43.078.514.531</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	
				<u>Số phải nộp</u>	<u>Số phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.047.950.981	9.340.368.048	(10.424.827.588)	2.963.491.441	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.252.973.391	456.778.171	(8.281.286.829)		571.535.267
Thuế thu nhập cá nhân	170.686.948	627.230.121	(723.322.092)	74.594.977	37.782.022
Thuế tài nguyên	253.824.265	1.288.657.251	(831.929.578)	710.551.938	
Thuế bảo vệ môi trường	226.298.740	204.551.280	(195.915.380)	234.934.640	
Các loại thuế khác	1.847.065.626	2.173.829.670	(278.028.736)	3.742.866.560	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-			-	
Cộng	<u>13.798.799.951</u>	<u>14.091.414.541</u>	<u>(20.735.310.203)</u>	<u>7.726.439.556</u>	<u>609.317.289</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

kể từ năm 2012 đến năm 2015 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2023).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.204.801.264	15.265.765.411
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	95.428.408	411.640.142
- Các khoản điều chỉnh tăng	445.428.408	411.640.142
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(350.000.000)</u>	
Thu nhập chịu thuế	5.300.229.672	15.677.405.553
Thu nhập được miễn thuế	(6.154.459.808)	(16.886.679.000)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	<u>(854.230.136)</u>	<u>(1.209.273.447)</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>		
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<u>456.778.171</u>	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>456.778.171</u>	

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của từng hoạt động trong 6 tháng đầu năm nay như sau:

	<u>Các hoạt động khác</u>	<u>Nhà máy thủy điện Thác Trắng</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.104.118.352)	12.308.919.616	5.204.801.264
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	95.428.408	- -	95.428.408
- Các khoản điều chỉnh tăng	445.428.408	-	445.428.408
<i>Tiền phạt thuế, BHXH</i>	<i>311.598.918</i>		<i>311.598.918</i>
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	<i>48.000.000</i>		<i>48.000.000</i>
<i>Chi phí khấu hao không được duyệt</i>	<i>37.560.755</i>		<i>37.560.755</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>48.268.735</i>		<i>48.268.735</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm			

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Các hoạt động khác	Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
	(350.000.000)	-	(350.000.000)
Thu nhập chịu thuế	(7.008.689.944)	12.308.919.616	5.300.229.672
Thu nhập được miễn thuế	(668.176.800)		(668.176.800)
Thu nhập tính thuế	(7.676.866.744)	12.308.919.616	4.632.052.872
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>(1.535.373.349)</i>	<i>2.461.783.923</i>	<i>926.410.574</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>		<i>(1.230.891.962)</i>	<i>(1.230.891.962)</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>456.778.171</i>		<i>456.778.171</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>456.778.171</u>	<u></u>	<u>456.778.171</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4% trên giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Sông Đà - Chi phí thuê nhà xưởng	30.496.659.479	15.612.901.456
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	30.397.358.834	15.350.067.864
Trích trước chi phí các công trình	-	-
Phải trả tiền thuê máy móc phải trả	99.300.645	262.833.592
Chi phí lãi vay phải trả	<u>30.496.659.479</u>	<u>15.612.901.456</u>
Cộng		

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà - tiền Jurong Engineering Limited trả		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>46.843.264.278</i>	<i>85.402.303.898</i>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	695.073.681	109.412.351
Kinh phí công đoàn	455.732.879	521.042.551
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.990.708.173	11.937.227.923
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Phải trả các đội thi công tiền khoán công trình	16.760.618.705	36.224.084.227
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả hộ chủ đầu tư		918.260.306
BQLDA các công trình điện Miền Trung (công trình đường dây 500 KV Phan Thiết – Phú Mỹ 2)	562.604.768	2.638.153.035
BQLDA các công trình điện Miền Bắc (công trình đường dây 220KV Trục Ninh - Nam Định)	10.567.989.301	8.936.394.202
TCT phát triển đường cao tốc Việt Nam (công trình đường dây 500 KV Đà Nẵng - Quảng Ngãi)		7.870.932.623
Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng Điện		8.841.090.028
Các khoản phải trả khác	6.205.097.789	4.883.206.652
Cộng	49.260.325.296	85.402.303.898

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>500.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		500.000.000
Cộng	500.000.000	1.000.000.000

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông		
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾</i>	<i>136.415.216.539</i>	<i>190.181.280.215</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	57.822.680.581	47.415.447.896
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	50.697.806.509	42.900.706.567
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	5.315.822.506	99.865.125.752
<i>Vay ngắn hạn Cty CP thủy điện Đắc Đoà ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>20.778.906.943</i>	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>3.600.000.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cộng	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>136.415.216.539</u>	<u>193.781.280.215</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng.
- (ii) Các khoản vay ngắn hạn Cty CP thủy điện Đăk Đoa để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5%/năm thời hạn vay không quá 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	190.181.280.215	114.460.556.365		(190.805.526.984)	113.836.309.596
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	24.778.906.943		(4.000.000.000)	20.778.906.943
Vay dài hạn đến hạn trả	3.600.000.000			(1.800.000.000)	1.800.000.000
Cộng	193.781.280.215	139.239.463.308		(196.605.526.984)	136.415.216.539

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ BIDV Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	3.062.882.087	3.062.882.087
+ BIDV Chi nhánh Bắc Hà ⁽ⁱⁱ⁾	2.599.862.697	2.599.862.697
+ VCB Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	47.400.000.000	
Cộng	53.062.744.784	5.662.744.784

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng VCB – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư số 36/16/NHNT ngày 28/12/2016 thời hạn vay 120 tháng được thế chấp bằng toàn bộ tài sản Nhà máy thủy điện Thác Trắng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.800.000.000	3.600.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	5.662.744.784	5.662.744.784
Trên 5 năm	47.400.000.000	
Cộng	<u>54.862.744.784</u>	<u>9.262.744.784</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Quý này Năm nay</u>	<u>Quý này Năm trước</u>
Số đầu năm	5.662.744.784	9.262.744.784
Số tiền vay phát sinh	47.400.000.000	
Số cuối năm	<u>53.062.744.784</u>	<u>9.262.744.784</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả

18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	4.708.562.688
Tăng do trích lập	
Số hoàn nhập	<u>(4.708.562.688)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	38.733.349.513
Số hoàn nhập	<u>(35.399.180.464)</u>
Số cuối năm	<u>3.334.169.049</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	689.597.117	515.726.481	(193.400.000)	1.011.923.598
Quỹ phúc lợi	979.784.137	515.726.481	(340.700.000)	1.154.810.618
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000		500.000.000
Cộng	<u>1.669.381.254</u>	<u>1.531.452.962</u>	<u>(534.100.000)</u>	<u>2.666.734.216</u>

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	67.247.066.956	85.726.661.247	302.871.305.826
Lợi nhuận trong năm trước				51.572.648.062	51.572.648.062
Trích lập các quỹ			60.405.918.023	(62.620.451.247)	(2.214.533.224)
Chia cổ tức năm trước				(23.106.210.000)	(23.106.210.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay				(11.553.105.000)	(11.553.105.000)
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	40.019.543.062	317.570.105.664
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	40.019.543.062	317.570.105.664
Lợi nhuận trong năm nay				4.725.067.871	4.725.067.871
Trích lập các quỹ			26.934.985.100	(28.466.438.062)	(1.531.452.962)
Chia cổ tức năm trước				(11.553.105.000)	(11.553.105.000)
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	4.725.067.871	309.210.615.573

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623
Cộng	149.897.577.623	149.897.577.623

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty chưa phân phối tiếp phần lợi nhuận còn lại sau khi đã tạm ứng 10% lần 1 vào đầu năm 2017

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 95,76 USD (số đầu năm là 95,76 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	16.621.332.153	17.458.918.245
Doanh thu hợp đồng xây dựng	149.507.520.942	429.439.570.535
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	12.614.789.506	31.386.224.334
Cộng	<u>178.743.642.601</u>	<u>478.284.713.114</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Doanh thu xây lắp thực hiện		315.419.687.232

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Giá vốn bán điện thương phẩm	3.408.899.015	4.420.205.235
Giá vốn của hợp đồng xây dựng		415.389.663.666

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	191.568.815.976	
Cộng	<u>10.123.130.384</u>	<u>32.945.827.904</u>
	205.100.845.375	452.755.696.805
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	380.215.989	910.238.568
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.522.030.555	268.925.001
Lãi tiền cho vay	1.144.394.362	632.771.215
Cổ tức, lợi nhuận được chia		16.886.679.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.736.675	14.971.355
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		12.376
Phí bảo lãnh	116.693.642	582.744.201
Doanh thu khác		
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.160.646.500	
Cộng	<u>5.612.080.923</u>	<u>19.296.341.716</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.009.860.909	2.583.852.854
Phí bảo lãnh	1.149.046.361	2.198.817.156
Phí cam kết tín dụng	20.997.000	40.570.433
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	944.617.160	4.945.232.587
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.395.280	
Chi phí khác	605.696.843	
Cộng	<u>7.832.757.075</u>	<u>9.768.473.030</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.079.633.973	11.969.074.731
Chi phí vật liệu quản lý	812.484.113	915.274.289
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.336.189	89.122.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	962.022.806	961.004.833
Thuế, phí và lệ phí	158.134.337	342.273.865
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.682.064.255)	3.441.811.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.553.233.868	2.375.705.062
Các chi phí khác	3.878.919.750	3.756.204.976
Cộng	<u>10.008.700.781</u>	<u>23.850.471.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	637.272.728	153.663.785
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng	43.414.376.008	4.169.050.101
Tiền bán vật tư		
Tiền bán điện		
Thu nhập khác	76.714.079	137.595.454
Cộng	44.128.362.815	4.460.309.340

7. Chi phí khác

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	311.598.918	220.965.351
Thuế GTGT không được khấu trừ		
Phạt chậm tiến độ theo hợp đồng		
Xử lý công nợ		
Xử lý vật tư bị mất	48.268.735	96.331.309
Chi phí khác	69.413	83.660.403
Cộng	359.937.066	400.957.063

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	1.193.388.182	1.038.199.317
Thù lao	96.000.000	
Cộng	1.289.388.182	1.038.199.317

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăk Glei	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Công ty con
Các công ty con của Tổng công ty Sông Đà	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà		
Chi phí dịch vụ		136.384.952
Tiền lãi vay phải trả		19.512.411
Giá trị bán tài sản trên đất	1.604.545.455	
Phí bảo lãnh phải trả cơ quan Công ty		
Dịch vụ do BĐH dự án Thủy điện Lai Châu cung cấp		
Công ty Cổ phần Sông Đà 12		
Chi phí hoạt động xây dựng	963.771.459	
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà		
Chi phí xây lắp		(4.110.735.860)
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		
Doanh thu xây lắp thực hiện	3.105.772.031	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	149.507.520.942	29.236.121.659	178.743.642.601
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.507.520.942	29.236.121.659	178.743.642.601
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(42.061.295.034)	15.704.092.260	(26.357.202.774)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(10.008.700.781)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(36.365.903.555)
Doanh thu hoạt động tài chính			5.612.080.923
Chi phí tài chính			(7.832.757.075)
Thu nhập khác			44.128.362.815
Chi phí khác			(359.937.066)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(456.778.171)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			4.725.067.871
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.477.485.833	1.127.168.114	4.604.653.947
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.453.004.572	1.443.365.985	5.896.370.557
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	790.111.289	154.505.871	944.617.160
Kỳ này Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	429.439.570.535	48.845.142.579	478.284.713.114
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	429.439.570.535	48.845.142.579	478.284.713.114
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.049.906.869	11.479.109.440	25.529.016.309

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			<u>(23.850.471.861)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.678.544.448
Doanh thu hoạt động tài chính			19.296.341.716
Chi phí tài chính			(9.768.473.030)
Thu nhập khác			4.460.309.340
Chi phí khác			(400.957.063)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<u><u>15.265.765.411</u></u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>6.007.041.323</u>	<u>683.250.474</u>	<u>6.690.291.797</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<u>10.420.597.123</u>	<u>351.497.309</u>	<u>10.772.094.432</u>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	336.566.469.896	49.833.235.014	386.399.704.910
Tài sản phân bổ cho bộ phận			355.030.398.367
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>741.430.103.277</u>
<i>Tổng tài sản</i>			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	174.582.565.131	38.299.743.265	212.882.308.396
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			219.337.179.308
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>432.219.487.704</u>
<i>Tổng nợ phải trả</i>			
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	323.229.056.210	53.976.137.735	377.205.193.945
Tài sản phân bổ cho bộ phận			367.937.375.886
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>745.142.569.831</u>
<i>Tổng tài sản</i>			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	263.443.576.816	37.877.475.149	301.321.051.965
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			140.950.212.040
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>442.271.264.005</u>
<i>Tổng nợ phải trả</i>			

2b. Thông tin về khu vực địa lý

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Kỳ này Năm nay</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Khu vực trong nước	178.743.642.601	166.240.539.963
Khu vực nước ngoài	-	312.044.173.151
Cộng	<u>178.743.642.601</u>	<u>478.284.713.114</u>

3. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc 6 tháng đầu năm của năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự



Lê Văn Tuấn